



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam –  
Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Đầu tư số** 1321/GP ngày 18 tháng 7 năm 1995

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 411033000030 ngày 7 tháng 7 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đầu tư có giá trị trong 30 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số** 0300812161 (điều chỉnh lần 7) ngày 28 tháng 11 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch
Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên
Ông Huỳnh Tiến Việt	Thành viên
Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Phụng Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Hải	Thành viên

**Ban Giám đốc** Ông Fan Weng Kee Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Tòa nhà Anna, số 10, Công viên Phần mềm Quang Trung  
Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

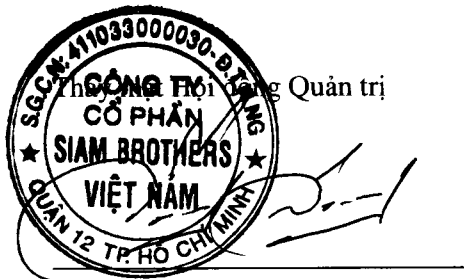
**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Veerapong Sawatyanon  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông**

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-243



Nguyễn Văn Thành Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chong Kwang Puay  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0864-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>321.028.268.918</b>	<b>221.804.727.826</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>159.266.976.282</b>	<b>33.583.708.534</b>
Tiền	111		102.266.976.282	13.387.708.534
Các khoản tương đương tiền	112		57.000.000.000	20.196.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>4.979.154.050</b>	<b>6.337.869.114</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		5.552.384.237	6.490.268.759
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(573.230.187)	(152.399.645)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>126.395.376.212</b>	<b>153.481.585.904</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	13.328.963.738	99.360.080.424
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.349.003.705	13.951.433.046
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	10.243.050.610	15.683.759.811
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	82.193.096.968	27.744.255.132
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(6.718.738.809)	(3.257.942.509)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>27.804.053.670</b>	<b>27.071.929.652</b>
Hàng tồn kho	141		31.360.313.932	30.315.473.347
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.556.260.262)	(3.243.543.695)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.582.708.704</b>	<b>1.329.634.622</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	1.837.154.059	963.486.001
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		744.372.652	295.900.077
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.181.993	70.248.544

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>107.800.355.019</b>	<b>111.964.123.184</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>80.735.945.672</b>	<b>81.047.106.130</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9(c)	80.735.945.672	81.047.106.130
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.870.919.928</b>	<b>16.360.319.543</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.888.425.411	13.720.175.841
<i>Nguyên giá</i>	222		133.280.218.750	135.471.461.771
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(125.391.793.339)	(121.751.285.930)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	1.385.999.999	2.395.403.999
<i>Nguyên giá</i>	225		1.890.000.000	3.783.240.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(504.000.001)	(1.387.836.001)
Tài sản cố định vô hình	227	14	596.494.518	244.739.703
<i>Nguyên giá</i>	228		3.587.481.720	3.147.481.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.990.987.202)	(2.902.742.017)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.924.874.356</b>	<b>126.500.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	13.924.874.356	126.500.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.268.615.063</b>	<b>14.430.197.511</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	583.437.466	12.425.169.553
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	2.685.177.597	2.005.027.958
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>428.828.623.937</b>	<b>333.768.851.010</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>109.952.558.364</b>	<b>197.337.787.599</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>109.168.892.009</b>	<b>187.787.498.553</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	55.622.656.339	42.845.053.941
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		336.039.410	778.441.702
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	1.879.797.468	1.738.893.492
Phải trả người lao động	314		2.287.249.740	2.041.506.966
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.100.922.459	2.001.974.306
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.204.521.148	77.037.693.450
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	40.737.705.445	61.343.934.696
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>783.666.355</b>	<b>9.550.289.046</b>
Phải trả dài hạn khác	337		117.000.000	3.751.325.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	666.666.355	3.425.997.340
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	-	2.372.966.706
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>318.876.065.573</b>	<b>136.431.063.411</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>318.876.065.573</b>	<b>136.431.063.411</b>
Vốn cổ phần	411	25	205.400.000.000	163.400.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		94.625.673.463	1.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(600.000.000)	(600.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	26	14.594.981.065	14.594.981.065
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		4.855.411.045	(41.963.917.654)
- Lợi nhuận sau thuế/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		2.076.082.346	(46.393.382.624)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		2.779.328.699	4.429.464.970
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>428.828.623.937</b>	<b>333.768.851.010</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



**Đặng Thị Mỹ Kim**  
Kế toán Trưởng



**Veerapong Sawatyanon**  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

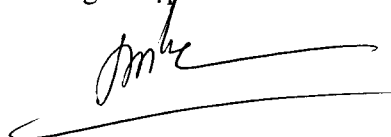
**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	160.462.365.457	147.401.944.256
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	26.000.000	158.866.365
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>160.436.365.457</b>	<b>147.243.077.891</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	113.507.105.946	111.903.130.025
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>46.929.259.511</b>	<b>35.339.947.866</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	3.303.823.451	6.082.717.670
Chi phí tài chính	22	32	6.151.327.329	6.955.419.611
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.295.517.813	3.978.753.355
Chi phí bán hàng	25	33	5.450.770.394	4.978.829.635
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	33.297.638.411	25.061.296.774
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>5.333.346.828</b>	<b>4.427.119.516</b>
Thu nhập khác	31	35	2.434.614.738	61.728.574
Chi phí khác	32		1.012.242.079	325.517.586
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.422.372.659</b>	<b>(263.789.012)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>6.755.719.487</b>	<b>4.163.330.504</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	4.656.540.427	1.738.893.492
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>37</b>	<b>(680.149.639)</b>	<b>(2.005.027.958)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>2.779.328.699</b>	<b>4.429.464.970</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



**Đặng Thị Mỹ Kim**  
Kế toán Trưởng



**Veerapong Sawatyanon**  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>6.755.719.487</b>	<b>4.163.330.504</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		7.348.650.862	8.465.300.604
Các khoản dự phòng	03		4.194.343.409	2.146.447.930
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(572.103.450)	(495.000.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(957.958.938)	(2.064.494.080)
Chi phí lãi vay	06		3.295.517.813	3.978.753.355
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>20.064.169.183</b>	<b>16.194.338.313</b>
Biến động các khoản phải thu	09		103.908.124.830	(37.301.424.041)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.044.840.585)	(15.421.430.179)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.207.046.691)	96.579.325.454
Biến động chi phí trả trước	12		(1.413.574.860)	(178.925.310)
			<b>112.306.831.877</b>	<b>59.871.884.237</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.331.219.716)	(4.231.263.249)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.971.276.616)	(4.377.272.483)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.372.966.706)	(55.348.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>101.631.368.839</b>	<b>51.208.000.255</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(37.240.421.356)	(1.950.574.526)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		12.381.638.889	-
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23		(1.060.100.000)	(1.339.500.000)
Tiền thu hồi cho vay các đơn vị khác	24		6.098.673.640	6.136.260.000
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25		(247.200.000)	(9.632.235.000)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		695.192.516	7.976.326.668
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		766.613.259	434.826.731
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(18.605.603.052)</b>	<b>1.625.103.873</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		135.625.673.463	-
Tiền thu từ đi vay	33		85.356.398.722	104.897.996.745
Tiền trả nợ gốc vay	34		(107.238.492.567)	(100.454.363.801)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.013.232.864)	(11.482.716.348)
Tiền trả cổ tức	36		(70.520.751.468)	(30.737.602.765)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>42.209.595.286</b>	<b>(37.776.686.169)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>125.235.361.073</b>	<b>15.056.417.959</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>33.583.708.534</b>	<b>18.032.290.575</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>447.906.675</b>	<b>495.000.000</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>159.266.976.282</b>	<b>33.583.708.534</b>

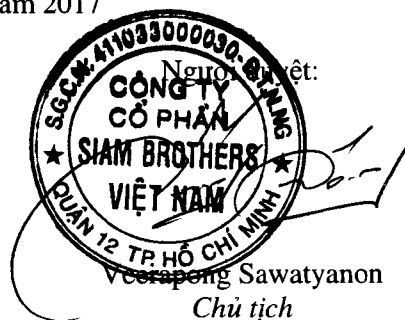
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



**Đặng Thị Mỹ Kim**  
Kế toán Trưởng

Người đại diện pháp luật:



**Veerapong Sawatyanon**  
Chủ tịch

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty có một Trụ sở chính tại Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (“Trụ sở chính”) theo Giấy phép Đầu tư số 1321/GP do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 7 năm 1995 trong thời gian 30 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư.

Công ty đã thành lập chi nhánh đầu tiên (“Chi nhánh”) và chi nhánh thứ hai (“Chi nhánh 2”) tại Tỉnh Long An lần lượt theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 50212000009 ngày 30 tháng 9 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 50212000021 ngày 11 tháng 1 năm 2011 được cấp bởi Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Long An trong thời gian 50 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Trụ sở chính là:

- Sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông ngư nghiệp;
- Sản xuất các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp;
- Sản xuất và phát triển phần mềm máy tính; và
- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông ngư nghiệp.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Trụ sở chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính có 245 nhân viên (1/1/2016: 247 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là của Trụ sở chính của Công ty. Công ty cũng lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty cùng với báo cáo tài chính này.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Trụ sở chính nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |          |
|--------------------------|----------|
| ▪ nhà cửa                | 5-20 năm |
| ▪ nhà xưởng và máy móc   | 2-13 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3-8 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5-10 năm |

**(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Trụ sở chính đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Trụ sở chính đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho công ty và đã được trả hết trong năm 2016.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được phát hành lại sau đó, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính, mà được ghi nhận tăng số lượng cổ phiếu sở hữu (xem chi tiết cổ tức bằng cổ phiếu nhận được trong năm trong thuyết minh số 6).

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông của Công ty và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất này.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Doanh thu hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại dây thừng bện propylen polime (PP) và polyethene (PE), các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp phụ thuộc vào biến động mùa vụ của các mùa đánh bắt cá. Các mùa đánh bắt cá chủ yếu thường kéo dài từ tháng ba đến tháng tư và từ tháng chín đến tháng mười trong năm.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	100.038.189	27.046.726
Tiền gửi ngân hàng	102.166.938.093	13.360.661.808
Các khoản tương đương tiền	57.000.000.000	20.196.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	159.266.976.282	33.583.708.534

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

**Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	38.890	1.113.477.987	980.028.000	(133.449.987)	29.178	967.943.377	1.073.750.400	-
Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương *	20.580	982.916.196	1.088.682.000	-	17.900	983.155.000	1.781.050.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	50.267	936.260.000	613.257.400	(317.975.900)	45.600	936.260.000	866.400.000	(69.860.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	32.100	832.840.740	802.500.000	(30.340.740)	32.100	832.840.740	844.230.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	24.860	681.911.222	646.360.000	(35.551.222)	24.860	681.911.222	725.912.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô TMT *	600	27.432.782	8.580.000	(18.852.782)	14.100	744.510.000	719.100.000	(25.410.000)
Các khoản đầu tư khác	25.433	977.545.310	1.463.975.950	(37.059.556)	26.001	1.343.648.420	1.317.688.300	(57.129.645)
		<b>5.552.384.237</b>	<b>5.603.383.350</b>	<b>(573.230.187)</b>		<b>6.490.268.759</b>	<b>7.328.130.700</b>	<b>(152.399.645)</b>

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

\* Các biến động định lượng của chứng khoán kinh doanh là do cổ tức bằng cổ phiếu nhận được trong năm.

Biến động dự phòng giảm giá của chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	152.399.645	26.909.998
Dự phòng lập trong năm	420.830.542	125.489.647
Số dư cuối năm	<u>573.230.187</u>	<u>152.399.645</u>

## **7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

### **(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Swe Myint Aung	2.458.459.177	2.428.161.264
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Trí Tuệ Việt	2.386.917.117	2.386.917.117
Arsha Thar International Co., Ltd	2.073.159.104	-
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2	-	87.398.548.247
Các khách hàng khác	6.410.428.340	7.146.453.796
	<u>13.328.963.738</u>	<u>99.360.080.424</u>

### **(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng từ các công ty liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cổ đông</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	3.692.800	3.692.800
<b>Công ty liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2	-	87.398.548.247
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	66.287.204	121.217.204

Các khoản phải thu thương mại từ cổ đông và công ty liên quan khác không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22(a)).

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu về cho vay**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cho vay từ:		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh – một cổ đông	9.621.850.000	8.887.816.562
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn – một bên liên quan	-	5.867.703.731
▪ Người lao động	621.200.610	928.239.518
	10.243.050.610	15.683.759.811

Phải thu về cho vay phản ánh các khoản cho vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất từ 7,75% đến 10% một năm (trong năm 2015: từ 7,75% đến 14% một năm).

**9. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác từ các cổ đông	-	18.102.080.347
Lợi nhuận chuyển từ chi nhánh (*)	61.689.000.000	-
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 9(b))	16.673.728.641	2.623.297.599
Phải thu từ nhân viên	3.155.661.401	1.295.437.386
Đặt cọc ngắn hạn	344.316.496	4.138.780.024
Phải thu thuế giá trị gia tăng từ các hợp đồng thuê tài chính	136.770.861	213.496.830
Phải thu ngắn hạn khác	193.619.569	1.371.162.946
	82.193.096.968	27.744.255.132

(\*) Lợi nhuận chuyển từ chi nhánh bao gồm khoản phải thu lợi nhuận từ Chi nhánh và Chi nhánh 2 với số tiền lần lượt là 18.689 triệu VND và 43.000 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	16.673.728.641	422.355.759
Bà Ngô Từ Đông Khanh	-	2.200.941.840
	<hr/>	<hr/>
	<b>16.673.728.641</b>	<b>2.623.297.599</b>
	<hr/>	<hr/>

**(c) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn hoạt động tại Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	19.111.586.548	19.111.586.548
Vốn hoạt động tại Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2	61.268.055.490	61.268.055.490
Ký quỹ dài hạn	356.303.634	667.464.092
	<hr/>	<hr/>
	<b>80.735.945.672</b>	<b>81.047.106.130</b>
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2016		1/1/2016					
	Số năm quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số năm quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Tuệ Việt	Hơn 4 năm 1-2 năm	2.386.917.117	(2.386.917.117)	-	Hơn 3 năm 0,5-1 năm	2.386.917.117	(2.386.917.117)	-
- Swe Myint Aung	0,5-7 năm	2.458.459.177	(1.229.229.589)	1.229.229.588	3-5 năm	2.428.161.264	-	2.428.161.264
- Khác		6.645.849.849	(3.102.592.103)	3.543.257.746		893.162.208	(871.025.392)	22.136.816
		<b>11.491.226.143</b>	<b>(6.718.738.809)</b>	<b>4.772.487.334</b>		<b>5.708.240.589</b>	<b>(3.257.942.509)</b>	<b>2.450.298.080</b>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi – ngắn hạn			<b>(6.718.738.809)</b>				<b>(3.257.942.509)</b>	



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.257.942.509	3.600.038.218
Dự phòng lập trong năm	3.460.796.300	-
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	(342.095.709)
	6.718.738.809	3.257.942.509

**11. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	-	-	922.827.675	-
Nguyên vật liệu	10.884.658.566	(554.585.187)	11.290.655.632	(555.455.226)
Công cụ và dụng cụ	2.025.061.976	(315.897.976)	2.071.475.574	(315.897.976)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.930.940	-	40.791.815	-
Thành phẩm	2.090.403.683	(257.021.381)	1.802.942.693	(345.908.485)
Hàng hóa	14.269.506.209	(2.428.755.718)	9.861.251.197	(2.026.282.008)
Hàng gửi đi bán	2.017.752.558	-	4.325.528.761	-
	31.360.313.932	(3.556.260.262)	30.315.473.347	(3.243.543.695)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.243.543.695	2.090.479.559
Dự phòng lập trong năm	312.716.567	1.153.064.136
	3.556.260.262	3.243.543.695

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22(a)).

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Nhà xưởng và máy móc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	20.323.549.531	105.206.756.348	1.912.139.791	8.029.016.101	135.471.461.771
Tăng trong năm	148.467.000	208.580.000	-	-	357.047.000
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	1.893.240.000	-	-	1.893.240.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	115.000.000	-	-	115.000.000
Xóa sổ	-	(4.556.530.021)	-	-	(4.556.530.021)
Số dư cuối năm	20.472.016.531	102.867.046.327	1.912.139.791	8.029.016.101	133.280.218.750
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	18.840.168.926	95.419.516.138	1.709.210.358	5.782.390.508	121.751.285.930
Khấu hao trong năm	225.200.216	6.185.873.662	53.198.448	559.258.316	7.023.530.642
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	1.120.711.035	-	-	1.120.711.035
Xóa sổ	-	(4.503.734.268)	-	-	(4.503.734.268)
Số dư cuối năm	19.065.369.142	98.222.366.567	1.762.408.806	6.341.648.824	125.391.793.339
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	1.483.380.605	9.787.240.210	202.929.433	2.246.625.593	13.720.175.841
Số dư cuối năm	1.406.647.389	4.644.679.760	149.730.985	1.687.367.277	7.888.425.411

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 98.906 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 74.625 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.407 triệu VND (1/1/2016: 1.483 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22(a)).

**13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Nhà xưởng và máy móc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	3.783.240.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.893.240.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.890.000.000
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.387.836.001
Khấu hao trong năm	236.875.035
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.120.711.035)
	<hr/>
Số dư cuối năm	504.000.001
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	2.395.403.999
Số dư cuối năm	1.385.999.999
	<hr/>

Các tài sản thuê này được thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ thuê tài chính tại Thuyết minh 22(b).

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi vỉnh VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.728.847.384	418.634.336	3.147.481.720
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	440.000.000	440.000.000
Số dư cuối năm	2.728.847.384	858.634.336	3.587.481.720
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.728.847.384	173.894.633	2.902.742.017
Khấu hao trong năm	-	88.245.185	88.245.185
Số dư cuối năm	2.728.847.384	262.139.818	2.990.987.202
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	244.739.703	244.739.703
Số dư cuối năm	-	596.494.518	596.494.518

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản cố nguyên giá 2.890 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 2.890 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, quyền sử dụng đất với nguyên giá 2.729 triệu VND (1/1/2016: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	126.500.000	-
Tăng trong năm	14.353.374.356	259.320.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(115.000.000)	(132.820.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(440.000.000)	-
Số dư cuối năm	13.924.874.356	126.500.000

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà cửa	8.609.027.856	-
Máy móc và thiết bị	5.315.846.500	126.500.000
	13.924.874.356	126.500.000

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản chi phí xây dựng (cho chi nhánh thứ ba: 8.609 triệu VND) và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong (cho Trụ sở chính: 5.316 triệu VND).

**16. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	1.837.154.059	963.486.001

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	12.381.638.889	43.530.664	12.425.169.553
Tăng trong năm	-	619.494.400	619.494.400
Phân bổ trong năm	-	(79.587.598)	(79.587.598)
Thanh lý	(12.381.638.889)	-	(12.381.638.889)
Số dư cuối năm	-	583.437.466	583.437.466

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.343.747.762	651.588.502
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	711.252.052	648.708.739
Phải trả và dự phòng	751.924.763	803.730.717
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(121.746.980)	(99.000.000)
	2.685.177.597	2.005.027.958
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.685.177.597	2.005.027.958

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	37.923.725.185	37.923.725.185	40.036.382.102	40.036.382.102
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2	14.900.336.820	14.900.336.820	129.850.490	129.850.490
Các nhà cung cấp khác	2.798.594.334	2.798.594.334	2.678.821.349	2.678.821.349
	55.622.656.339	55.622.656.339	42.845.053.941	42.845.053.941
	55.622.656.339	55.622.656.339	42.845.053.941	42.845.053.941

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các công ty liên quan**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	37.923.725.185	37.923.725.185	40.036.382.102	40.036.382.102
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2	14.900.336.820	14.900.336.820	129.850.490	129.850.490

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	17.392.062.801	(6.857.254.851)	(10.534.807.950)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	972.168.571	(446.279.862)	-	(70.248.544)	-	455.640.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.738.893.492	4.656.540.427	(4.971.276.616)	-	-	-	1.424.157.303
Thuế xuất nhập khẩu	-	435.596.597	(436.778.590)	-	-	1.181.993	-
	1.738.893.492	23.456.368.396	(12.711.589.919)	(10.534.807.950)	(70.248.544)	1.181.993	1.879.797.468



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	3.620.000.000	1.700.000.000
Tiền phạt	341.298.643	-
Chi phí lãi vay	-	35.701.903
Chi phí khác	139.623.816	266.272.403
	<b>4.100.922.459</b>	<b>2.001.974.306</b>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả	1.779.969.660	53.356.032.515
Phải trả phi thương mại cho Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	1.785.592.000	23.311.000.000
Các khoản phải trả khác	638.959.488	370.660.935
	<b>4.204.521.148</b>	<b>77.037.693.450</b>



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	50.885.629.509	50.885.629.509	85.356.398.722	(98.309.985.450)	37.932.042.781	37.932.042.781
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	10.458.305.187	10.458.305.187	2.805.662.664	(10.458.305.187)	2.805.662.664	2.805.662.664
	61.343.934.696	61.343.934.696	88.162.061.386	(108.768.290.637)	40.737.705.445	40.737.705.445

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
(i) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	VND	6,1% - 6,3%	22.878.055.721	-
(ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	5,9% - 6%	15.053.987.060	15.500.587.435
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	9,0% - 9,4%	-	16.040.224.724
Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam	VND	8,2% - 10,0%	-	5.515.386.916
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	VND	7,5% - 10%	-	5.509.346.266
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	USD	3,5% - 5%	-	4.561.989.168
Cổ đông	VND	12%	-	3.758.095.000
			37.932.042.781	50.885.629.509

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 70.000 triệu VND (1/1/2016: không). Khoản vay được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất thuộc Chi nhánh 1 với giá trị ghi sổ lần lượt là 8.640 triệu VND và 5.247 triệu VND và khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ nhỏ nhất là 40.000 triệu VND và 35.000 triệu VND (1/1/2016: không).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (1/1/2016: 40.000 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất thuộc Trụ sở chính với giá trị ghi sổ lần lượt là 1.407 triệu VND và 2.729 triệu VND (1/1/2016: nhà cửa: 1.483 triệu VND).

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Vay dài hạn (*)	3.333.333.019	12.486.486.163
Nợ thuê tài chính (**)	138.996.000	1.397.816.364
	3.472.329.019	13.884.302.527
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(2.805.662.664)	(10.458.305.187)
	666.666.355	3.425.997.340

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(\*) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
(i) Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	VND	9,2%	2014 - 2018	3.333.333.019	6.000.000.004
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	VND	7,9% - 12,2%	2012 - 2016	-	6.486.486.159
				3.333.333.019	12.486.486.163

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.000 triệu VND (1/1/2016: 10.000 triệu VND). Nợ gốc của khoản vay này sẽ được trả đều trong vòng 45 tháng kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất của Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ lần lượt là 18.768 triệu VND và 33.732 triệu VND (1/1/2016: 20.284 triệu VND và 34.625 triệu VND) và bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**(\*\*) Nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2016		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	141.064.724	2.068.724	138.996.000
	1/1/2016		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	1.359.122.227	53.969.863	1.305.152.364
Trong vòng hai đến năm năm	93.698.362	1.034.362	92.664.000
	1.452.820.589	55.004.225	1.397.816.364

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	<b>Trợ cấp thôi việc VND</b>
Số dư đầu năm	2.372.966.706
Dự phòng sử dụng trong năm	(2.372.966.706)
Số dư cuối năm	-

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	163.400.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.594.981.065	22.613.983.976	201.008.965.041
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.429.464.970	4.429.464.970
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(69.007.366.600)	(69.007.366.600)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	163.400.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.594.981.065	(41.963.917.654)	136.431.063.411
Phát hành cổ phiếu	42.000.000.000	93.625.673.463	-	-	-	135.625.673.463
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.779.328.699	2.779.328.699
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(40.960.000.000)	(40.960.000.000)
Nhận lợi nhuận từ Chi nhánh và Chi nhánh 2	-	-	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	205.400.000.000	94.625.673.463	(600.000.000)	14.594.981.065	4.855.411.045	318.876.065.573

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	163.400.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.594.981.065	22.613.983.976	201.008.965.041
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.429.464.970	4.429.464.970
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(69.007.366.600)	(69.007.366.600)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	163.400.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.594.981.065	(41.963.917.654)	136.431.063.411
Phát hành cổ phiếu	42.000.000.000	93.625.673.463	-	-	-	135.625.673.463
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.779.328.699	2.779.328.699
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(40.960.000.000)	(40.960.000.000)
Nhận lợi nhuận từ Chi nhánh và Chi nhánh 2	-	-	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	205.400.000.000	94.625.673.463	(600.000.000)	14.594.981.065	4.855.411.045	318.876.065.573

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.540.000	205.400.000.000	16.340.000	163.400.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(60.000)	(600.000.000)	(60.000)	(600.000.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông theo mệnh giá	20.480.000	204.800.000.000	16.280.000	162.800.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	16.280.000	162.800.000.000	16.280.000	162.800.000.000
Số cổ phiếu đã phát hành trong năm (*)	4.200.000	42.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm - hiện đang lưu hành	20.480.000	204.800.000.000	16.280.000	162.800.000.000

(\*) Ngày 9 tháng 6 năm 2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 31/GCN-UBCK. Công ty được chào bán 4.200.000 cổ phiếu phổ thông với giá chào bán là 33.000 VND một cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty chuyển đổi tiền tệ kế toán từ đô la Mỹ (“USD”) sang Việt Nam Đồng (“VND”) phù hợp với các yêu cầu của Thông tư số 244/2010/TT/BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Theo đó, tất cả các số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá 21.036 VND bằng 1 USD. Vốn cổ phần đã được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản chênh lệch giữa giá trị được qui đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 14.907.569.048 VND được trình bày như khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**27. Cổ tức**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 11 năm 2016, Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền là 40.960.000.000 VND tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu (cho năm 2015: phân phối khoản cổ tức bằng tiền 69.007.366.600 VND tương đương 4.200 VND trên một cổ phiếu).

**28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	327.663.125	1.092.817.500
Trong vòng hai đến năm năm	-	70.663.125
	327.663.125	1.163.480.625

**(b) Ngoại tệ**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.377.910	31.306.121.108	1.193.566	26.783.630.240

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	88.206.861.783	-

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	90.070.779.091	86.211.710.784
▪ Dịch vụ gia công	70.391.586.366	61.190.233.472
	160.462.365.457	147.401.944.256
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(26.000.000)	(158.866.365)
Doanh thu thuần	160.436.365.457	147.243.077.891

**30. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	78.350.237.409	78.229.213.417
▪ Dịch vụ đã cung ứng	34.844.151.970	32.520.852.472
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	312.716.567	1.153.064.136
	113.507.105.946	111.903.130.025

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.799.952.091	2.851.391.869
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	1.214.781.697	1.874.170.809
Cổ tức	285.865.000	334.545.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.224.663	1.022.609.992
	3.303.823.451	6.082.717.670

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	3.295.517.813	3.978.753.355
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.941.862.305	2.664.973.120
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	493.116.669	177.902.012
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	420.830.542	125.489.647
Chi phí tài chính khác	-	8.301.477
	6.151.327.329	6.955.419.611

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	1.309.960.871	1.383.172.218
Chi phí công tác	970.305.039	1.367.039.777
Chi phí hàng mẫu	23.389.785	448.985.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.606.940	240.361.699
Chi phí khấu hao và phân bổ	-	43.721.325
Chi phí bán hàng khác	2.833.507.759	1.495.549.243
	5.450.770.394	4.978.829.635

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.652.848.286	7.628.851.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.165.118.533	5.672.238.727
Chi phí khấu hao và phân bổ	822.251.114	392.430.770
Dự phòng nợ phải thu khó đòi lập/(hoàn nhập) trong năm	3.460.796.300	(342.095.709)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.196.624.178	11.709.871.735
	<hr/>	<hr/>
	33.297.638.411	25.061.296.774

**35. Thu nhập khác**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Thu nhập từ tiền phạt liên quan đến thuê đất	2.420.417.238	-
Thu nhập khác	14.197.500	61.728.574
	<hr/>	<hr/>
	2.434.614.738	61.728.574

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	25.499.034.160	27.222.872.434
Chi phí nhân công và nhân viên	29.951.924.233	28.357.837.013
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.348.650.862	8.465.300.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	89.455.905.496	77.897.246.383
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	2.424.157.303	1.738.893.492
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.232.383.124	-
	<hr/> 4.656.540.427	<hr/> 1.738.893.492
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(680.149.639)	(2.005.027.958)
	<hr/> 3.976.390.788	<hr/> (266.134.466)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.755.719.487	4.163.330.504
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	1.351.143.897	915.932.711
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	200.502.796
Chi phí không được khấu trừ thuế	450.036.767	210.975.360
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trong những năm trước	-	(1.519.945.433)
Thu nhập không chịu thuế	(57.173.000)	(73.599.900)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.232.383.124	-
	<hr/> 3.976.390.788	<hr/> (266.134.466)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp điều chỉnh, Trụ sở Chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% lợi nhuận chịu thuế cho năm 2016 (2015: 22%).

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Trụ sở chính có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh</b>		
Bán hàng	5.454.546	-
Mua tài sản cố định	5.049.500.000	115.000.000
Mua hàng	43.290.000	-
Mua dịch vụ	202.040.000	-
Phí bảo trì	2.250.000.000	2.100.000.000
Phí tư vấn	1.640.000.000	1.400.000.000
Thu nhập lãi cho vay	734.033.333	732.027.778
Trả trước cho nhà cung cấp cho nhà xưởng và máy móc	22.530.000.000	-
Cần từ khoản phải thu khác với cổ tức phải trả	18.102.080.347	-
Cần từ khoản phải thu khác từ bà Ngô Từ Đông Khanh với khoản phải trả cổ tức cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	2.200.941.840	-
Cần từ khoản phải thu khác từ ông Nguyễn Trí Thanh với khoản phải trả cổ tức cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	1.260.000.000	-
Cần từ khoản phải thu khác từ ông Itthapat Sawatyanon với khoản phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	1.655.383.000	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn</b>		
Thu hồi nợ vay	5.977.189.640	6.100.000.000
Vốn hóa thu nhập lãi cho vay	109.485.909	1.041.861.300
Hoàn trả tiền thuê đất	12.573.596.040	-
Tiền phạt (liên quan đến thuê đất)	2.420.417.238	-
<b>Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh</b>		
Mua hàng hóa	362.982.981	-
Thu nhập gia công	-	37.450.143.699
Bán hàng hóa	-	31.538.325.533
Chi phí gia công	31.548.000	-
Lợi nhuận chuyển từ Chi nhánh	42.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2</b>		
Mua hàng hóa	2.133.058.410	129.850.490
Thu nhập gia công	70.391.586.366	23.740.089.773
Bán hàng hóa	44.771.731.037	16.228.905.364
Lợi nhuận chuyển từ Chi nhánh 2	43.000.000.000	-

**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Đông Dương</b>		
Mua hàng hóa	246.395.000	273.835.163
Phí dịch vụ	503.722.728	282.625.000
<b>Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam</b>		
Mua hàng	119.618.184	-
<b>Bà Ngô Từ Đông Khanh</b>		
Cần trừ khoản phải thu khác từ bà Ngô Từ Đông Khanh với khoản phải trả cổ tức cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	2.200.941.840	-
<b>Ông Itthapat Sawatyanon</b>		
Cần trừ khoản phải thu khác từ ông Itthapat Sawatyanon với khoản phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	1.655.383.000	-
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>		
Lương và thù lao	3.620.000.000	2.241.193.000



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

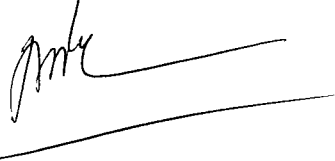
**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Cần trừ phải thu khác từ bên liên quan và cổ tức phải trả (*)	21.563.022.187	-
Cần trừ phải thu khác từ ông Itthapat Sawatyanon với phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	1.655.383.000	-
Cần trừ phải thu thương mại với phải trả thương mại cho khoản tiền từ thanh lý tài sản cố định chưa nhận được của năm trước	-	26.810.255.544
Cần trừ ký quỹ dài hạn phải trả với khoản phải thu từ Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái	-	2.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay được vốn hóa vào phải thu về cho vay	843.519.347	1.773.889.078
Cần trừ phải thu về cho người lao động vay với phải trả người lao động	1.226.721.332	1.425.615.347
Cần trừ ký quỹ dài hạn phải thu với nợ thuế tài chính	245.587.500	390.102.741

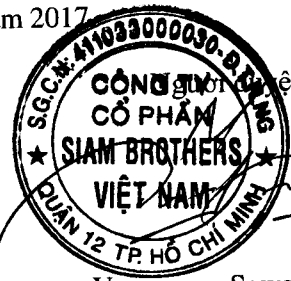
(\*) Trong năm 2016, Trụ sở chính, ông Nguyễn Trí Thành (Cổ đông), bà Ngô Từ Đông Khanh (Cổ đông) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thông minh (Cổ đông) đã đồng ý cần trừ các khoản phải thu khác với cổ tức phải trả.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



**Đặng Thị Mỹ Kim**  
 Kế toán Trưởng



**Veerapong Sawatyanon**  
 Chủ tịch

